

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh
về các nội dung do UBND tỉnh trình Kỳ họp chuyên đề,
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII.

Tại kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với **13 nội dung**, trong đó có **08 nội dung** là Nghị quyết cá biệt và **05 nội dung** là Nghị quyết quy phạm pháp luật.

Qua nghiên cứu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh, đa số đều thống nhất với các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp. Bên cạnh đó, qua thẩm tra, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh tên gọi, rà soát, biên tập bổ sung một số nội dung theo quy định, bổ sung các căn cứ pháp lý, biên tập gộp một số Chương, Điều cho phù hợp; báo cáo làm rõ một số nội dung; hoàn chỉnh thể thức, kỹ thuật trình bày, rà soát số liệu,... của các dự thảo Nghị quyết, Quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu tối đa các ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đã chỉ đạo cơ quan chủ trì xây dựng rà soát, bổ sung và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (*chi tiết có phụ lục các nội dung tiếp thu, giải trình kèm theo*); đồng thời báo cáo làm rõ, tiếp thu, giải trình một số nội dung như sau:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Đề nghị biên tập lại Điều 1, Điều 2 ngắn gọn, dễ hiểu, đảm bảo theo quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh biên tập theo hướng ngắn gọn, súc tích. Cụ thể:

“**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết quy định Cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lồng ghép trong thực

hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025”.

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Tại Điều 5, điều chỉnh nội dung nguồn vốn lồng ghép, cụ thể như sau:

- Biên tập Khoản 1: “1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước gồm: Ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.”

- Biên tập Khoản 3: “3. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, bao gồm: nguồn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư; vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua các chính sách thu hút đầu tư; nguồn đóng góp (bằng tiền hoặc hiện vật) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.”.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh các nội dung nêu trên như sau:

“Điều 5. Nguồn vốn lồng ghép

1. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước gồm: Ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn viện trợ không hoàn lại theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

3. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, bao gồm: Nguồn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư; vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua các chính sách thu hút đầu tư; nguồn đóng góp (bằng tiền hoặc hiện vật) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

4. Các nguồn vốn hợp pháp khác.”.

2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Tại các Điều 3, 4, 5 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết đề nghị rà soát, biên tập bổ sung đầy đủ các nội dung (lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết; lựa chọn dự án, phương án sản xuất của

cộng đồng, lựa chọn đơn vị đặt hàng,...) cho phù hợp với Khoản 3 và Khoản 6 Điều 21, Khoản 3 Điều 22, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; đồng thời rà soát các nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục,... và các quy định, văn bản dẫn chiếu thực hiện có liên quan, tương ứng với từng Chương trình.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Quy định kèm Nghị quyết như sau:

- Bổ sung các quy định: Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết (tại Điều 3); Lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng (tại Điều 4); Lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng (tại Điều 5)

- Bổ sung cụm từ “**thủ tục**” vào khoản 2, các Điều 3, Điều 4, Điều 5 dự thảo quy định kèm nghị quyết

Đồng thời, chỉnh sửa các điều 3, 4, 5 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:

“Điều 3. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

Thực hiện theo khoản 3 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo Khoản 1 Điều 12 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo Điều 12 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Điều 22 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

Thực hiện theo khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.”

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Tại điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định: “Hội đồng nhân dân tỉnh cấp tỉnh quyết định

mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước **cho từng nội dung, công việc cụ thể...**”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho **05 nhóm nội dung, công việc** và chưa phân tích rõ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (*đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp*) hỗ trợ cho các nội dung, công việc này. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rõ.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến thẩm tra Ban Kinh tế- Ngân sách; tuy nhiên do hiện nay một số nội dung, cơ chế chính sách thực hiện chương trình của trung ương vẫn chưa được ban hành và chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong việc lập dự toán, thực hiện và giải ngân nguồn vốn đã được phân bổ. Vì vậy, trước mắt để thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện và giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch năm 2022, đề nghị thống nhất cho ban hành theo nhóm các nội dung, công việc được quy định tại điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg. Đồng thời, trong thời gian tới Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ rà soát, xác định cụ thể nguồn vốn hỗ trợ và sẽ tổng hợp, đề nghị điều chỉnh, bổ sung các nội dung Nghị quyết đảm bảo theo quy định của Trung ương và điều kiện thực tế tại địa phương.

- ***Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:*** Theo Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định “*Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư*”, tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết quy định xã đặc biệt khó khăn chỉ được hỗ trợ 95%. Báo cáo rõ cơ sở đề xuất mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung, công việc cụ thể từ 90% đến 95%.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:** Kế thừa quy định của giai đoạn 2016 – 2020, cụ thể:

Đối với các nội dung đầu tư từ nguồn vốn đầu tư phát triển: Theo Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND, ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh quy định giai đoạn 2016 – 2020: NSNN hỗ trợ không quá 90% và các địa phương tổ chức thực hiện không gặp khó khăn gì và tương đối phù hợp, nội dung tham gia ngoài ngân sách chủ yếu là kêu gọi doanh nghiệp, nhà thầu đóng góp hỗ trợ và một phần từ ngày công tham gia của người dân. Tuy nhiên trong giai đoạn 2021 – 2025, do trung ương yêu cầu hầu hết các nội dung ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần, vì vậy trong điều kiện kêu gọi đóng góp cùng một lúc sẽ rất khó khăn.

Đối với các nội dung sử dụng vốn sự nghiệp: Đây là các hoạt động liên quan đến hỗ trợ trực tiếp người dân và doanh nghiệp, do đó việc huy động người dân và các doanh nghiệp trực tiếp hưởng lợi tham gia là có khả thi; tuy nhiên đối với nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình sẽ được triển khai thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng vốn sự nghiệp, nên về mức chi, nội dung chi sẽ được thực hiện theo quy định của nhà nước.

Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chung cho cả 3 chương trình mục tiêu quốc gia; tuy nhiên đối với Chương trình MTQG xây

dựng nông thôn mới, trung ương quy định chỉ hỗ trợ một phần, vì vậy quy định hỗ trợ tối đa 95% là phù hợp với quy định của Chương trình.

Từ những lý do trên: Việc quy định hỗ trợ tối đa 95% tổng mức đầu tư đối với xã thuộc xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn và hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư đối với các xã, thôn còn lại là phù hợp.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025.

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở đề xuất mức vốn cân đối, bố trí từ ngân sách địa phương hàng năm (*cấp tỉnh, cấp huyện*) ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội và bổ sung vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đề nghị đại biểu thảo luận thêm về các nội dung trên.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:** Lũy kế nguồn vốn ngân sách địa phương đã ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội đến nay 150,1 tỷ đồng (*trong đó: ngân sách tỉnh 96,6 tỷ đồng (riêng năm 2022 bố trí 11 tỷ đồng), ngân sách huyện, thành phố 53,5 tỷ đồng*), theo báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã tỉnh cơ bản đã thực hiện cho vay hết nguồn vốn địa phương ủy thác. Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bổ sung vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân đến 31 tháng 12 năm 2021 là 13,54 tỷ đồng (*trong đó ngân sách trung ương 6,34 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 6 tỷ đồng, ngân sách huyện 1,2 tỷ đồng*), tính đến ngày 22 tháng 8 năm 2022, đã cho vay 13,22 tỷ đồng (39 hộ vay).

Nhu cầu vốn tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ Hỗ trợ nông dân hàng năm khá lớn. Do đó, mức đề xuất vốn cân đối, bố trí từ ngân sách địa phương hàng năm (*cấp tỉnh, cấp huyện*) ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội và bổ sung vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022, mức đề nghị là mức tối thiểu, trong những năm tới trường hợp ngân sách địa phương tăng trưởng sẽ bố trí tăng thêm mức hợp lý.

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, “*Căn cứ các chính sách tín dụng của Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định quy mô, bố trí ngân sách địa phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia*”. Như vậy, cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng trên cơ sở quy mô của từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia làm cơ sở để cân đối, bố trí ngân sách địa phương cho phù hợp. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rõ nội dung này.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:** Theo quy định của Trung ương về chính sách tín dụng ưu đãi và Quỹ Hỗ trợ nông dân, nguồn vốn ngân sách trung

ương bố trí qua Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ Hỗ trợ nông dân được theo dõi, triển khai cho vay nhiều đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động theo từng chính sách tín dụng cụ thể, trong đó có các đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động tương đồng với đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ Hỗ trợ nông dân tùy thuộc vào điều kiện thực tế để thực hiện điều hòa, linh hoạt nguồn vốn cho vay cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động trong phạm vi nguồn vốn hiện có của Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ Hỗ trợ nông dân được Ngân sách Trung ương và địa phương cân đối bố trí.

5. Nghị quyết về chủ trương đầu tư và bổ sung trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Dự án Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 03 Bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Kon Tum.

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Báo cáo kết quả đánh giá hiện trạng công trình đề nghị phá dỡ, xây dựng mới (*năm đầu tư, số lần sửa chữa, nâng cấp; kinh phí, hiện trạng sử dụng, ...*). Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn khi thực hiện phá dỡ các công trình xây dựng để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án; rà soát quy mô đầu tư của dự án tránh đầu tư trùng lặp với các dự án đã và đang đầu tư tại Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi, Trung tâm y tế huyện Đăk Gleit và huyện Đăk Hà; chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin báo cáo.

*** Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:**

- Các hạng mục đề nghị phá dỡ tại các cơ sở y tế đều được đầu tư đưa vào sử dụng từ lâu và hầu hết đều là các công trình cấp IV quy mô 01 tầng, cụ thể: tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà là các công trình cấp IV đầu tư từ năm 1999; tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi đều là các công trình cấp IV đầu tư từ năm 2008; tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Gleit là các công trình đầu tư từ năm 2009, trong đó có 01 khối nhà 02 tầng (*Khối nhà kỹ thuật nghiệp vụ*), còn lại đều là các công trình cấp IV. Qua thời gian sử dụng, các hạng mục này đều đã xuống cấp, không còn phù hợp với công năng sử dụng và hạ tầng tổng thể của các cơ sở y tế. Mặt khác, vì được đầu tư từ lâu nên hàng năm tỉnh phải thường xuyên bố trí vốn để duy tu, sửa chữa, cải tạo, gây tốn kém cho ngân sách tỉnh trong điều kiện khả năng cân đối còn khó khăn. Do đó, việc phá dỡ các hạng mục này để đầu tư mới các khối nhà cấp III quy mô từ 3 - 5 tầng cùng với sắp xếp, bố trí lại các khoa khám chữa bệnh là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu khai thác, sử dụng tại các cơ sở.

- Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Y tế (*chủ đầu tư*) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn khi thực hiện phá dỡ các công trình xây dựng để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án; đảm bảo quy mô đầu tư của dự án không trùng lặp

với các dự án đã và đang đầu tư tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi, Trung tâm y tế huyện Đắk Glei và huyện Đắk Hà; chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin báo cáo.

6. Nghị quyết về quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Báo cáo làm rõ tiến độ triển khai thực hiện, tổng vốn đã bố trí, tiến độ giải ngân vốn đã bố trí, số vốn còn lại chưa bố trí,....

*** Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:**

- Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 236.767,872 triệu đồng (gồm ngân sách Trung ương hỗ trợ là 118.383 triệu đồng, ngân sách địa phương từ nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác là 118.384 triệu đồng).

- Dự án được bố trí vốn khởi công mới từ năm 2014. Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2020 là 107.300 triệu đồng (trong đó: ngân sách địa phương bố trí 800 triệu thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, ngân sách trung ương đã bố trí đủ là 106.500 triệu đồng)⁽¹⁾. Theo Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 thì dự án được bố trí 106.000 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác. Lũy kế kế hoạch giai đoạn 2021-2025 nguồn thu tiền sử dụng đất đã phân bổ cho dự án đến nay là 30.797,4 triệu đồng⁽²⁾, số vốn còn lại chưa thực hiện phân bổ là 75.202,6 triệu đồng.

Tới thời điểm hiện tại, dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán gói xây lắp số 01⁽³⁾, đang tiếp tục triển khai gói xây lắp số 02, Chủ đầu tư trình gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng các gói thầu còn lại cho phù hợp với tiến độ bố trí vốn theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Căn cứ vào thực nguồn thu tiền sử dụng đất kế hoạch năm 2021 đã phân bổ cho dự án là 15.797,4 triệu đồng, đạt 14,90% so với nhu cầu; nguồn thu tiền sử dụng đất kế hoạch năm 2022 đã phân bổ cho dự án là 15.000 triệu đồng, đạt 16,63% so với nhu cầu, dự kiến đến năm 2023 mới cân đối bố trí đủ cho dự án (khoảng 75.202,6 triệu đồng, đạt 100%).

7. Nghị quyết về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁾ Nguồn cân đối NSDP: 800 triệu đồng (KHV 2012); Nguồn NSTW phát triển KTXH vùng: 106.500 triệu đồng (KHV 2014: 24.000 triệu đồng; KHV 2015: 10.000 triệu đồng; KHV 2016: 15.000 triệu đồng; KHV 2017: 10.000 triệu đồng; KHV 2018: 15.000 triệu đồng; KHV 2019: 16.205 triệu đồng; KHV 2020: 16.295 triệu đồng)

⁽²⁾ Nguồn thu sử dụng đất 30.797,4 triệu đồng (KHV 2021: 15.797,4 triệu đồng; KHV 2022: 15.000 triệu đồng).

⁽³⁾ với tổng giá trị 82.596,3 triệu đồng tại Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020.

- **Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Báo cáo rõ lý do các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, bố trí vốn năm kế hoạch nhưng chưa đưa vào danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2022, đến nay mới bổ sung đợt này. Khó khăn, vướng mắc, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan; ảnh hưởng của việc chậm đưa vào danh mục thu hồi đất đến tiến độ triển khai dự án, tiến độ giải ngân. Trường hợp dự án chậm giải ngân nguồn vốn ngân sách Trung ương đã bố trí, dẫn đến phải hoàn trả hoặc điều chỉnh sang dự án khác, đề nghị xem xét kiểm điểm trách nhiệm các cơ quan đơn vị có liên quan, cụ thể:

1. *Dự án Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy:* Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 30/12/2021. Tiến độ bố trí vốn: Năm 2022: 45.000 triệu đồng. Dự kiến năm 2023: 50.000 triệu đồng.

2. *Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 675 đoạn từ Km0 – Km24:* Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 30/12/2021. Tiến độ bố trí vốn: Năm 2022: 45.000 triệu đồng. Dự kiến năm 2023: 45.000 triệu đồng.

3. *Dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh):* Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 30/12/2021. Tiến độ bố trí vốn: Năm 2022: 25.000 triệu đồng. Dự kiến năm 2023: 50.000 triệu đồng.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:** Đối với danh mục 03 công trình cần thu hồi đất trình tại kỳ họp chuyên đề tháng 8 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII (tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 24/11/2021). Tuy nhiên, ngày 30 tháng 12 năm 2021 thì 03 dự án nêu trên mới được cấp có thẩm quyền bố trí vốn, do đó tại thời điểm trình kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII thì các dự án này chưa được ghi vốn, nên theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Thông tư 01/2021/TT-BTNMT thì chưa đủ điều kiện để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất; do vậy Ban Kinh tế - Ngân sách kiến nghị không đưa dự án này vào Danh mục thu hồi đất. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo tiếp thu giải trình số 396/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 và không đưa dự án này vào danh mục trình tại kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII. Ngày 04 tháng 4 năm 2022 Sở Giao thông vận tải đã có Văn bản số 543/SGTVT-KHTC về việc đăng ký danh mục dự án sử dụng đất năm 2022 đối với 03 dự án trên để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất, tuy nhiên do sơ xuất Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum không đưa 03 công trình này vào danh mục thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh và lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum đã nhận trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung này. Liên quan đến nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và sẽ chỉ đạo các ngành có liên quan tăng cường trách nhiệm trong việc rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng

nhân dân tỉnh các dự án cần thu hồi đất đảm bảo thời gian và quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp chuyên đề tháng 8 năm 2022 xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban - HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-TTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm